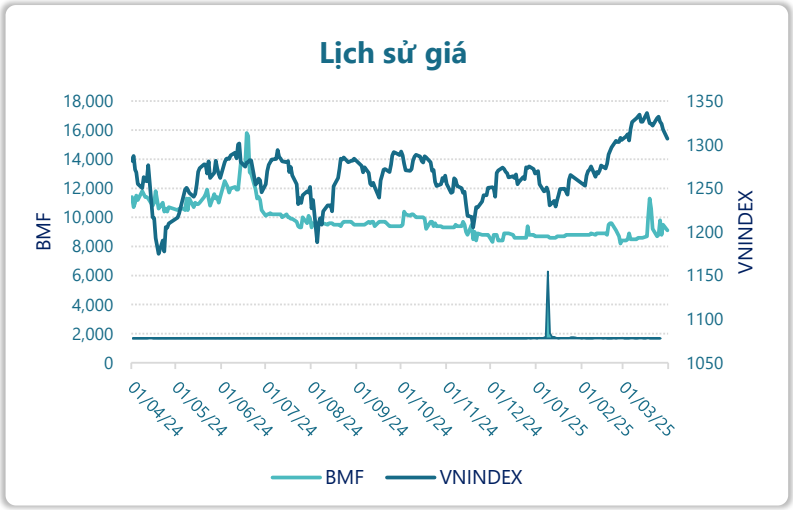
FireAnt

CTCP Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (UPCOM: BMF)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,200
SL cổ phiếu LH	15,848,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,320
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144
P/E	9.1
EPS	996

DT thuần

Q1/25

857

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.0| -3.2%

YoY: ▲ 144| 20.1%

LN sau thuế

Q1/25

3.69

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.35| 10.5%

YoY: ▼0.37| -9.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.3%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2024

3,420

tỷ VNĐ

YoY: ▼97.0| -2.8%

LN sau thuế

2024

16.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.7| 196%

ROE

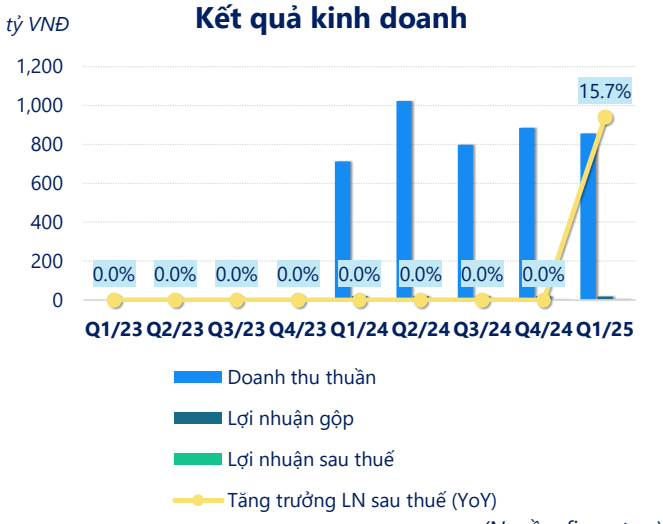
2024

9.4%

+/- YoY: ▲ 6.0%

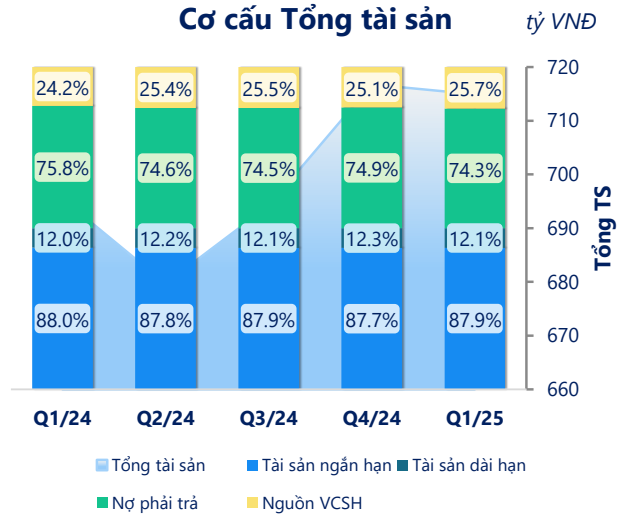
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



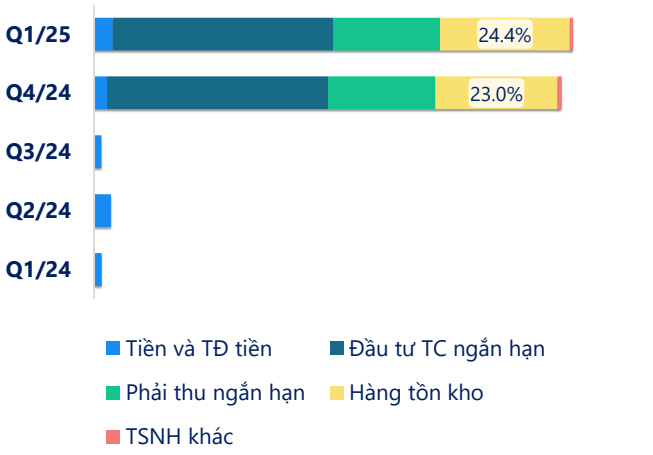
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



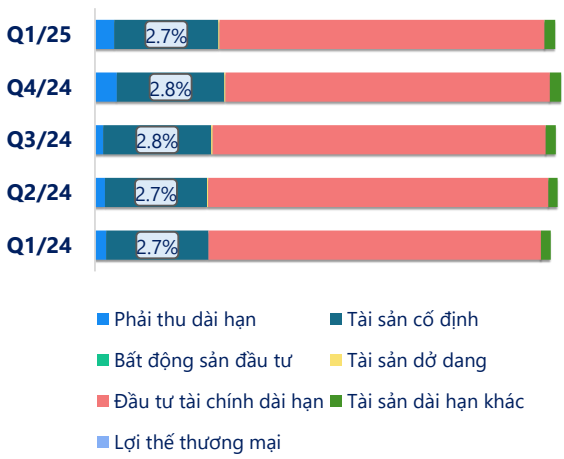
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



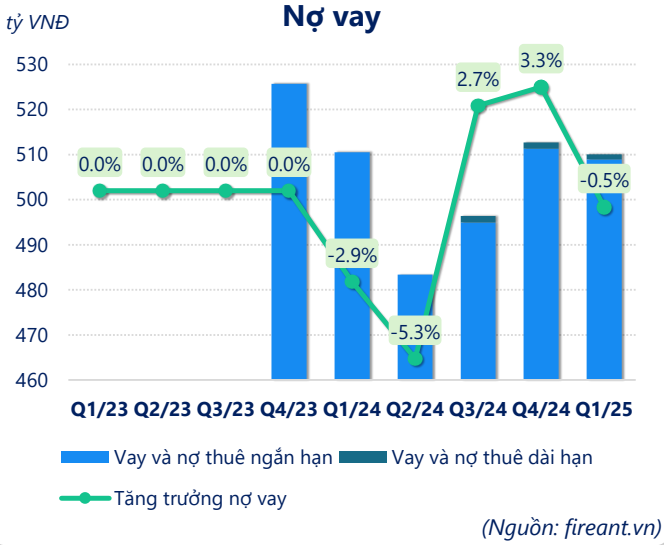
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



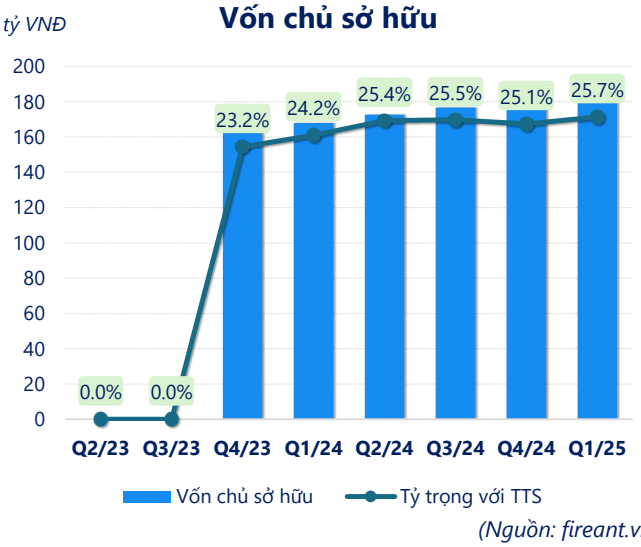
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



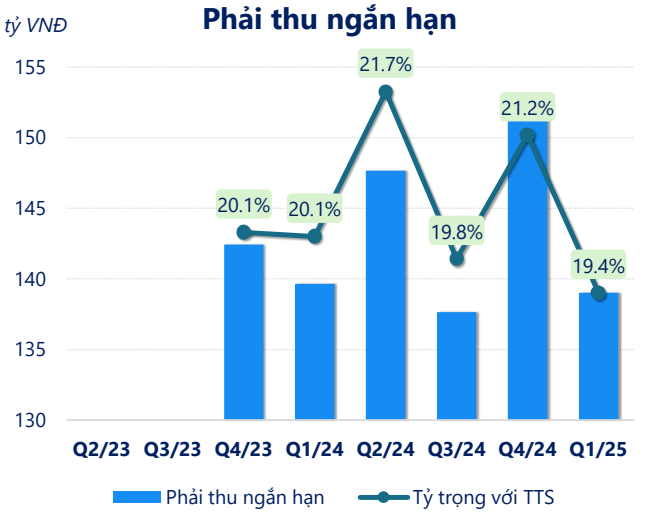
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



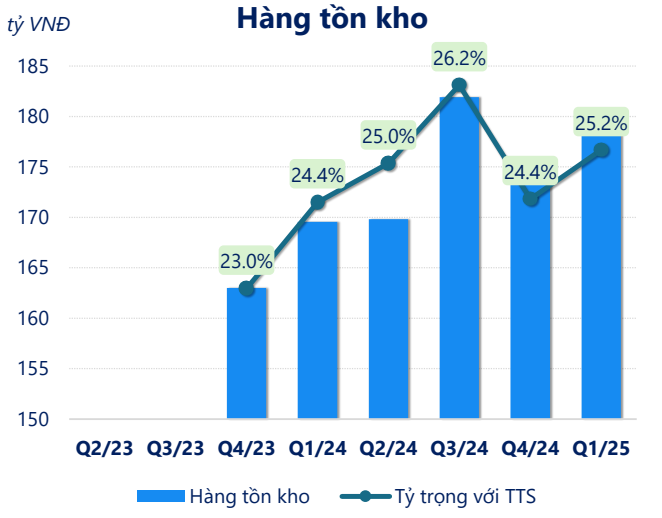
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



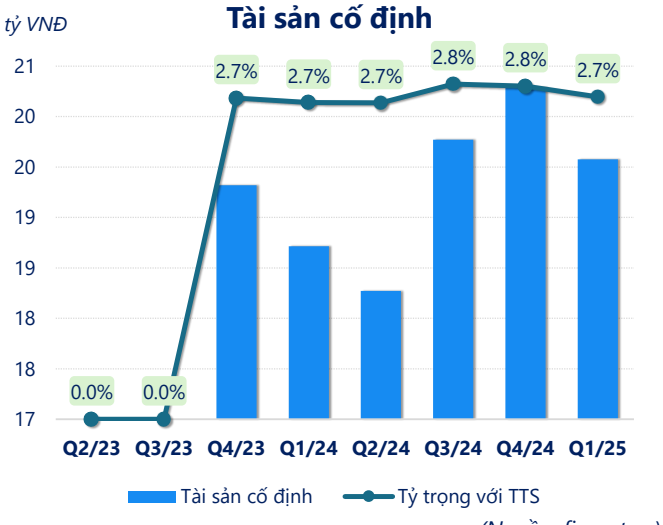
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



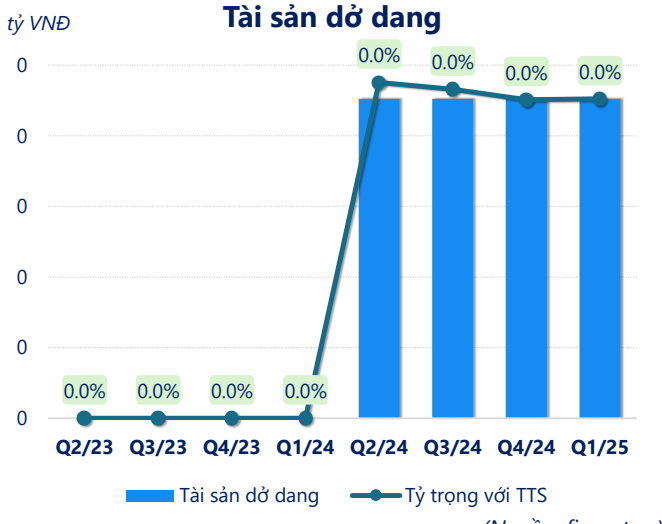
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



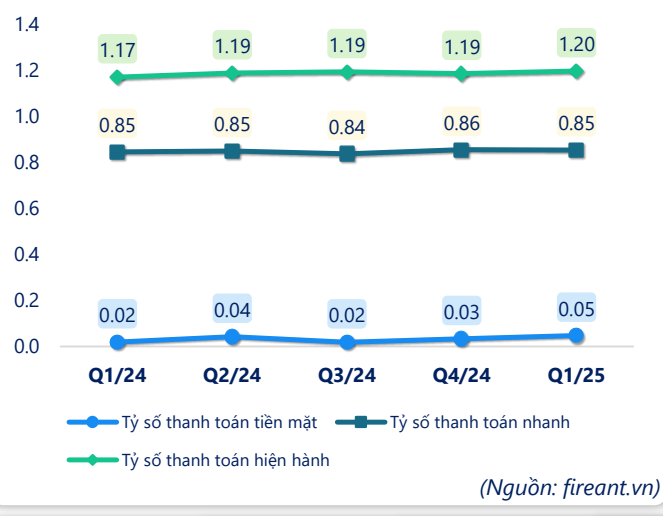
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



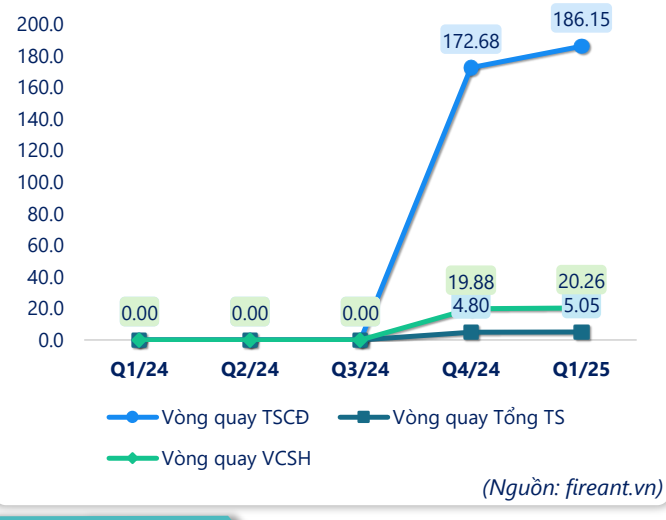
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**695**	**680**	**694**	**717**	**715**
Tài sản ngắn hạn	**612**	**597**	**610**	**629**	**628**
Tiền và tương đương tiền	9.94	21.5	9.44	17.6	25.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	289	256	278	283	283
Phải thu ngắn hạn	140	148	138	152	139
Hàng tồn kho	170	170	182	175	180
Tài sản ngắn hạn khác	4.22	2.46	2.68	0.57	0.89
Tài sản dài hạn	**83.4**	**82.8**	**84.2**	**88.0**	**86.6**
Phải thu dài hạn	2.06	1.79	1.50	4.14	3.65
Tài sản cố định	18.7	18.3	19.8	20.3	19.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.23	0.23	0.23	0.23
Đầu tư tài chính dài hạn	60.9	60.9	60.9	61.2	61.2
Tài sản dài hạn khác	1.80	1.61	1.86	2.16	1.99
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**527**	**507**	**517**	**537**	**531**
Nợ ngắn hạn	**523**	**502**	**511**	**530**	**525**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	511	483	495	511	509
Phải trả người bán ngắn hạn	1.48	0.64	1.11	2.17	2.22
Nợ dài hạn	4.85	4.79	6.44	6.56	6.46
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	1.48	1.40	1.09
Nguồn vốn chủ sở hữu	**168**	**173**	**177**	**180**	**184**
Vốn chủ sở hữu	**168**	**173**	**177**	**180**	**184**
Vốn điều lệ	158	158	158	158	158
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)